

TRƯỜNG ĐẠI HỌC CÔNG NGHỆ SÀI GÒN
PHÒNG CÔNG TÁC SINH VIÊN

**DANH SÁCH TỔNG HỢP KẾT QUẢ DỰ KIẾN
SỐ NGÀY CÔNG TÁC XÃ HỘI SINH VIÊN KHÓA 2021 ĐÃ THỰC HIỆN**

(Đợt tổng hợp tháng 6-2025 tính đến ngày 30/06/2025)

Khoa: Điện - Điện tử

Số ngày CTXH thực hiện: 10

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
1	DH32107426	Đặng Việt Cường	D21_DCN01	14	-	-	-	5	-	9	-	-	0
2	DH32110776	Nguyễn Thiều Thành Đạt	D21_DCN01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
3	DH32109111	Huỳnh Minh Đức	D21_DCN01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
4	DH32112333	Trần Huỳnh Gia Huy	D21_DCN01	8	-	-	-	-	-	8	-	-	2
5	DH32112343	Nguyễn Tuấn Kha	D21_DCN01	9.5	-	-	-	0.5	-	9	-	-	0.5
6	DH32114271	Phan Duy Khang	D21_DCN01	10.5	-	-	-	3.5	-	7	-	-	0
7	DH32101525	Huỳnh Lê Tuấn Kiệt	D21_DCN01	64	16.5	-	0.5	-	-	47	-	-	0
8	DH32113450	Nguyễn Trung Nghĩa	D21_DCN01	14	-	-	-	2	-	11	1	-	0
9	DH32112378	Huỳnh Thanh Phong	D21_DCN01	3.5	-	-	-	0.5	-	3	-	-	6.5
10	DH32112379	Huỳnh Thanh Phú	D21_DCN01	10.5	-	-	-	5.5	-	5	-	-	0
11	DH32114430	Ngô Quang Phú	D21_DCN01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
12	DH32112381	Trần Minh Phú	D21_DCN01	12	-	-	-	3.5	-	8.5	-	-	0
13	DH32112386	Lâm Thành Quang	D21_DCN01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
14	DH32112420	Ngô Thanh Toàn	D21_DCN01	1.5	-	-	-	-	-	1.5	-	-	8.5
15	DH32112422	Trần Tiến Toàn	D21_DCN01	10.5	-	0.5	-	3.5	-	5.5	1	-	0
16	DH32112428	Cao Minh Tùng	D21_DCN01	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
17	DH32103848	Quách Hưng Thịnh An	D21_TDH01	5	-	-	-	-	-	5	-	-	5
18	DH32101438	Nguyễn Mạnh Cường	D21_TDH01	3.5	-	-	-	3.5	-	-	-	-	6.5
19	DH32100863	Nguyễn Khánh Duy	D21_TDH01	10.5	-	0.5	-	1.5	-	8.5	-	-	0
20	DH32104629	Phạm Nguyễn Khánh Duy	D21_TDH01	2.5	-	-	-	1.5	-	1	-	-	7.5
21	DH32101841	Tạ Hà Nhật Duy	D21_TDH01	17.5	6	-	-	-	-	10.5	1	-	0
22	DH32108434	Trần Công Định	D21_TDH01	4	-	1	-	-	-	-	-	3	6
23	DH32112304	Trương Bảo Định	D21_TDH01	11.5	-	-	-	5.5	-	6	-	-	0
24	DH32112306	Tô Minh Đoàn	D21_TDH01	3	-	-	-	0.5	-	2.5	-	-	7
25	DH32100973	Nguyễn Hữu Hùng	D21_TDH01	1.5	-	1	-	-	-	0.5	-	-	8.5
26	DH32100998	Nguyễn Phú Hưng	D21_TDH01	10	-	-	-	3.5	-	5.5	1	-	0
27	DH32107707	Nguyễn Thanh Linh	D21_TDH01	15	-	1	-	-	-	14	-	-	0
28	DH32107169	Lê Thành Long	D21_TDH01	16	-	-	-	-	-	13	-	3	0

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
29	DH32114012	Trương Công Mẫn	D21_TDH01	3	-	-	-	3	-	-	-	-	7
30	DH32112360	Lê Công Minh	D21_TDH01	13.5	-	-	-	6.5	-	5	2	-	0
31	DH32102126	Nguyễn Thanh Nhân	D21_TDH01	9.5	-	-	-	3.5	-	6	-	-	0.5
32	DH32101063	Võ Hoàng Phát	D21_TDH01	16.5	-	-	-	3	-	13.5	-	-	0
33	DH32114081	Nguyễn Thanh Phong	D21_TDH01	7.5	-	-	-	3	-	4.5	-	-	2.5
34	DH32105449	Hà Đức Phú	D21_TDH01	9	-	-	-	3	-	6	-	-	1
35	DH32105109	Hà Võ Hoàng Phú	D21_TDH01	5.5	-	-	-	-	-	5.5	-	-	4.5
36	DH32112380	Nguyễn Thanh Phú	D21_TDH01	11.5	-	-	-	3.5	-	8	-	-	0
37	DH32105505	Nguyễn Hoàng Phúc	D21_TDH01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
38	DH32104798	Ngô Trần Quang	D21_TDH01	5.5	-	-	-	3.5	-	2	-	-	4.5
39	DH32103508	Dương Phú Quý	D21_TDH01	20.5	-	-	-	3.5	-	14	-	3	0
40	DH32108361	Lê Vũ Đình Quý	D21_TDH01	5	-	-	-	3.5	-	1.5	-	-	5
41	DH32112413	Nguyễn Huy Thọ	D21_TDH01	20	4.5	0.5	-	-	-	15	-	-	0
42	DH32114554	Nguyễn Anh Tiên	D21_TDH01	21.5	1	-	-	0.5	-	17	-	3	0
43	DH32112416	Trần Nguyễn Mạnh Tiến	D21_TDH01	4	-	-	-	0.5	-	3.5	-	-	6
44	DH32113170	Mai Quốc Triệu	D21_TDH01	6	-	-	-	3.5	-	2.5	-	-	4
45	DH32108245	Dương Minh Trọng	D21_TDH01	8	-	-	-	3	-	4	1	-	2
46	DH32114355	Chung Văn Tuấn	D21_TDH01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
47	DH32101648	Nguyễn Anh Tuấn	D21_TDH01	13	-	-	-	3	-	10	-	-	0
48	DH32112427	Nguyễn Anh Tuấn	D21_TDH01	2	-	-	-	-	-	2	-	-	8
49	DH42100240	Đình Nhật Anh	D21_MMT01	7	-	-	-	1.5	-	5.5	-	-	3
50	DH42112437	Huỳnh Gia Bảo	D21_MMT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
51	DH42114085	Nguyễn Hoàng Quốc Bảo	D21_MMT01	8	-	0.5	-	-	-	7.5	-	-	2
52	DH42108564	Lê Thanh Tùng Châu	D21_MMT01	117	43.5	0.5	1	-	-	71	1	-	0
53	DH42114162	Hoàng Minh Chiến	D21_MMT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
54	DH42112446	Nguyễn Thành Đạt	D21_MMT01	7.5	-	0.5	-	0.5	-	6.5	-	-	2.5
55	DH42114462	Nguyễn Tấn Hải	D21_MMT01	6	-	0.5	-	-	-	5.5	-	-	4
56	DH42112312	Sú Thế Hải	D21_MMT01	7.5	-	-	-	-	-	7.5	-	-	2.5
57	DH42114528	Nguyễn Quang Hòa	D21_MMT01	7.5	-	0.5	-	1	-	5	1	-	2.5
58	DH42111028	Nguyễn Quốc Huy	D21_MMT01	4.5	-	-	-	-	-	4.5	-	-	5.5
59	DH42112454	Trần Gia Huy	D21_MMT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
60	DH42114451	Trần Công Khải	D21_MMT01	6.5	1	0.5	-	0.5	-	4.5	-	-	3.5
61	DH42101028	Lê Huỳnh Tuấn Khang	D21_MMT01	13	-	-	-	0.5	-	12.5	-	-	0
62	DH42111248	Huỳnh Tấn Lộc	D21_MMT01	16.5	-	-	-	1	-	15.5	-	-	0
63	DH42120047	Đặng Trần Lực	D21_MMT01	10	1	0.5	-	-	-	8.5	-	-	0

STT	MSSV	Họ và tên	Tên lớp	Số ngày đã thực hiện	1	2	3	4	5	6	7	8	Số ngày còn lại
64	DH42100982	Lê Thành Nhân	D21_MMT01	2.5	-	-	-	-	-	2.5	-	-	7.5
65	DH42112465	Liêu Trọng Nhân	D21_MMT01	1	-	-	-	-	-	1	-	-	9
66	DH42114670	Hồ Nguyễn Hoàng Phúc	D21_MMT01	6.5	-	-	-	-	-	6.5	-	-	3.5
67	DH42108527	Cao Võ Hoàng Quân	D21_MMT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
68	DH42114078	Lý Phương Quân	D21_MMT01	10	5	-	-	-	-	5	-	-	0
69	DH42100866	Cao Nguyễn Hoàng Sang	D21_MMT01	8	-	-	-	2	-	6	-	-	2
70	DH42112474	Đỗ Trường Sinh	D21_MMT01	11	-	0.5	-	1	-	9.5	-	-	0
71	DH42104554	Nguyễn Huỳnh Huy Sơn	D21_MMT01	45.5	15	0.5	-	-	-	27	-	3	0
72	DH42112476	Nguyễn Duy Tân	D21_MMT01	9.5	-	-	-	0.5	-	9	-	-	0.5
73	DH42112477	Đặng Thị Phương Thanh	D21_MMT01	11.5	1	-	-	2.5	-	8	-	-	0
74	DH42100868	Nguyễn Phan Quốc Thịnh	D21_MMT01	8.5	-	-	-	2	-	6.5	-	-	1.5
75	DH42007231	Nguyễn Thành Thông	D21_MMT01	0	-	-	-	-	-	-	-	-	10
76	DH42112480	Trần Công Tiến	D21_MMT01	25.5	0.5	1	-	-	-	23	1	-	0
77	DH42106775	Trương Minh Toàn	D21_MMT01	10.5	-	-	-	2	-	8.5	-	-	0
78	DH42112484	Đinh Duy Trường	D21_MMT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
79	DH42112483	Bùi Lam Trường	D21_MMT01	8	-	-	-	-	-	8	-	-	2
80	DH42113977	Điền Huỳnh Anh Tuấn	D21_MMT01	0.5	-	-	-	-	-	0.5	-	-	9.5
81	DH42114257	Huỳnh Bùi Anh Tú	D21_MMT01	11.5	-	-	-	-	-	10.5	1	-	0

Tổng số SV: **81**

Đã hoàn thành: **31**

Chưa hoàn thành: **50**

***Ghi chú: Nội dung thực hiện**

- 1: Các chiến dịch tình nguyện vì cộng đồng
- 2: Hoạt động bảo vệ môi trường; Tuyên truyền phổ biến pháp luật
- 3: Hoạt động tình nguyện chăm lo đối tượng chính sách, hoàn cảnh đặc biệt,...
- 4: Các hoạt động cứu trợ thiên tai, dịch bệnh, ...
- 5: Lớp học tình thương; Các hoạt động công ích phục vụ xã hội tại các địa phương
- 6: Tham gia các hoạt động, công tác phục vụ, hỗ trợ Nhà trường
- 7: Hiến máu tình nguyện
8. Công tác cán bộ Đoàn - Hội các cấp, Ban cán sự Lớp, ...

Người lập bảng

Đã ký

Nguyễn Thị Diễm Ngân

Tp. Hồ Chí Minh, ngày 14 tháng 07 năm 2025

Trưởng Phòng Công tác Sinh viên

Đã ký

ThS. Vũ Trọng Anh